

**VN-Index** 1677.54 (0.15%)

661 Tr. cổ phiếu 15229.2 Tỷ VND (-15.20%)

**HNX-Index** 246.7 (0.68%)

56 Tr. cổ phiếu 991.9 Tỷ VND (-13.79%)

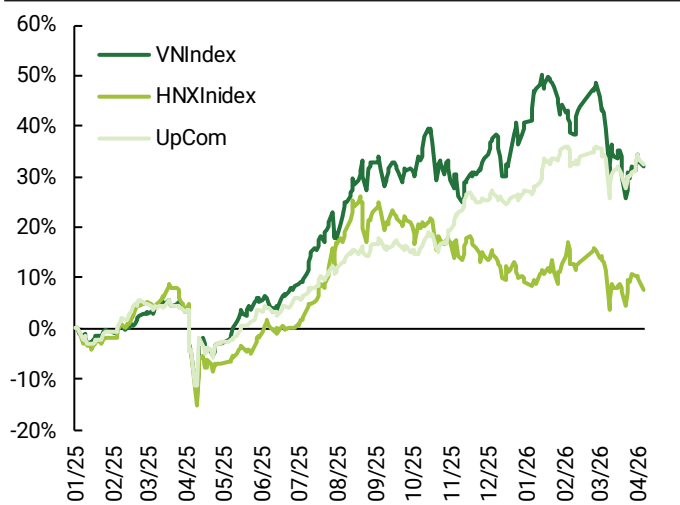
**UPCOM-Index** 125.64 (-0.15%)

40 Tr. cổ phiếu 465.9 Tỷ VND (2.41%)

**VN30F1M** 1848.20 (0.16%)

256,192 HD OI: 38,664 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1677.5, tăng +2.5 điểm (+0.15%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường cải thiện về phía mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.

- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Chứng khoán bật tăng mạnh về cuối phiên, khả năng kỳ vọng tích cực về kết quả đánh giá giữa kỳ mà FTSE Russell sắp công bố.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dịch vụ tài chính: VCI (+3.4%), FTS (+5.8%), VIX (+6.9%) | Ngân hàng: SHB (+1.4%), VPB (+1.8%), LPB (+4.1%) | Bất động sản: NVL (+1.4%), TCH (+2.2%) | Hóa chất: DGC (+2.3%), DCM (+3.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-5.1%), HAH (-2.3%) | Bán lẻ: PNJ (-4.4%), PET (-3.4%) | Tài nguyên Cơ bản: VPG (-2.9%), HSG (-0.7%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, LPB, VPB, VIX, SSI - Chiều giảm | VHM, GEE, GAS, HDB, TCB

Khối ngoại Bán ròng hơn 800 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, HDB, MBB, trong khi mua ròng VIC, DGC, VCK.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền Doji giằng co, tiếp tục trạng thái lưỡng lự trong vùng 1670 - 1700 điểm. Độ rộng thị trường cải thiện về phía sắc xanh, tuy nhiên, thanh khoản ở mức thấp chưa đồng thuận. Trong bối cảnh chỉ số vẫn vận động ở pha điều chỉnh, các phản ứng bật tăng cần thêm tín hiệu xác nhận, để tránh "bẫy tăng giá". Nếu chỉ số vượt trên ngưỡng 1710 điểm sẽ củng cố cho động lượng tăng và tiếp tục hướng đến vùng 1760 - 1770 điểm. Trái lại, nếu giá lùi về dưới ngưỡng 1660 điểm sẽ khiến đà phục hồi vi phạm và gia tăng áp lực điều chỉnh về mốc tâm lý 1600 điểm.

- Đối với HNX-Index**, sắc xanh cũng trở lại nhưng thanh khoản ở mức thấp chưa đồng thuận. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc trong vùng 245 - 250. Nếu đánh mất ngưỡng 245, đà giảm có thể tìm về khu vực đáy cũ quanh ngưỡng 235.

- Chiến lược:** Trong bối cảnh dòng tiền phân hóa và chỉ số phát tín hiệu nhiễu, trọng tâm nên chuyển sang quản trị danh mục theo diễn biến của từng cổ phiếu cụ thể. Nếu chưa vi phạm hỗ trợ, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ. Trái lại, trường hợp xuất hiện dấu hiệu sập gãy, nên tận dụng nhịp hồi để cơ cấu, tránh việc mua bình quân giá. Chiều mua mới hoặc gia tăng tỷ trọng cần kiên nhẫn chờ đợi mẫu hình đảo chiều đáng tin cậy xác nhận.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi SIP (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,677.5	0.2%	0.2%	-5.1%	15,229.2	-15.2%	-38.9%	-54.8%	661.4	-8.0%	-30.0%	-35.9%
HNX-Index	246.7	0.7%	-1.7%	-2.7%	991.9	-13.8%	-53.5%	-60.5%	56.4	-5.6%	-49.3%	-46.8%
UPCOM-Index	125.6	-0.2%	-0.6%	-1.0%	465.9	2.4%	-37.9%	-61.1%	39.6	33.5%	17.9%	-53.9%
VN30	1,841.0	0.3%	0.6%	-3.3%	7,470.8	-20.2%	-36.4%	-60.1%	233.3	-12.2%	-38.8%	-49.1%
VNMID	2,134.7	0.9%	-2.8%	-3.0%	6,204.7	-12.4%	-41.8%	-49.5%	292.8	-9.1%	-33.4%	-35.2%
VNSML	1,389.5	0.0%	-2.3%	-5.3%	818.5	-7.2%	-33.1%	-50.4%	60.7	-4.5%	-28.2%	-35.6%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	609.7	0.2%	-0.43%	-4.0%	4,451.4	-13.28%	-27.1%	-32.9%	205.5	10.6%	-21.1%	-25.6%
Bất động sản	729.2	0.4%	8.0%	-0.5%	2,860.7	7.2%	-35.9%	-22.4%	128.5	6.2%	-10.3%	-8.6%
Dịch vụ tài chính	310.8	1.3%	0.0%	-5.1%	2,238.0	-16.0%	-33.6%	-35.0%	103.2	-19.1%	-32.4%	-32.2%
Công nghiệp	268.5	-1.1%	0.2%	2.0%	859.9	-21.2%	-36.4%	-39.1%	23.5	-14.0%	-26.4%	-41.5%
Tài nguyên cơ bản	524.1	-0.2%	-0.5%	-1.8%	485.3	-58.4%	-57.9%	-60.9%	21.7	-54.1%	-54.8%	-59.1%
Xây dựng - Vật Liệu	175.0	0.6%	-2.7%	-1.9%	745.3	-25.5%	-45.6%	-47.9%	36.2	-26.4%	-43.2%	-46.1%
Thực phẩm	497.7	0.0%	-9.5%	-31.7%	729.1	-26.1%	-39.5%	-50.4%	16.9	-26.8%	-38.2%	-49.2%
Bán Lẻ	1,470.3	-0.5%	-3.4%	-3.4%	508.6	-25.6%	-30.7%	-46.1%	7.4	-23.1%	-25.6%	-43.9%
Công nghệ	400.2	0.1%	-0.2%	-8.9%	391.5	6.4%	-26.0%	-53.7%	5.9	-22.8%	-29.5%	-52.8%
Hóa chất	176.1	0.7%	-4.6%	-14.5%	440.6	-23.8%	-45.5%	-67.8%	12.7	-21.1%	-42.1%	-63.0%
Tiện ích	741.9	-0.6%	-3.3%	-19.0%	352.9	-5.1%	-35.5%	-51.1%	17.0	-0.8%	-25.2%	-43.8%
Dầu khí	103.7	-0.1%	-11.6%	-32.3%	455.6	-24.4%	-40.4%	-61.4%	16.1	-18.8%	-35.9%	-52.0%
Dược phẩm	436.7	-0.6%	-0.8%	-1.5%	30.9	180.2%	-34.5%	-30.1%	1.0	44.7%	-36.8%	-46.0%
Bảo hiểm	122.3	-1.3%	-3.7%	5.2%	74.7	16.1%	-7.7%	2.5%	2.2	-10.4%	14.1%	31.1%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,677.5	0.15%	-6.0%	15.4x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,464	0.72%	16.3%	16.4x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,971	-0.26%	-19.4%	16.4x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,261	-0.27%	-0.3%	16.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,958	0.16%	-1.6%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,890	0.26%	-2.0%	16.2x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,117	-	-2.0%	13.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,430	0.03%	6.1%	20.8x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,612	0.44%	-3.4%	25.9x	5.2x
Dow Jones	Mỹ	46,670	0.36%	-2.9%	23.2x	5.3x
FTSE 100	Anh	10,467	0.29%	5.4%	16.7x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,732	0.69%	-1.0%	16.6x	2.4x
DXY		99.9	-0.11%	1.6%		
USDVND		26,336	-0.004%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

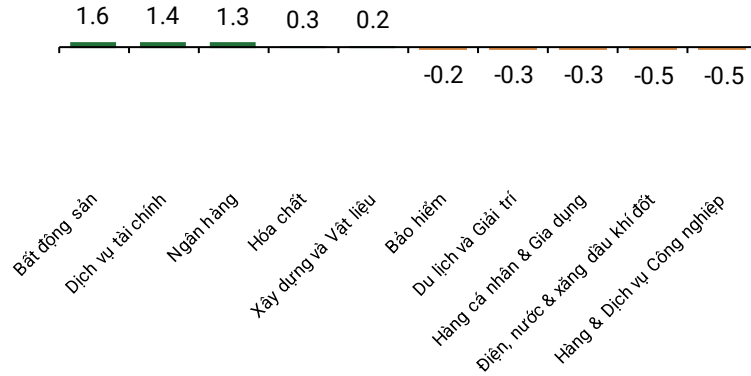
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.5%	17.8%	79.5%	70.1%
Dầu WTI	▬	0.5%	24.2%	96.7%	86.0%
Khí gas	▼	-0.8%	-12.5%	-24.3%	-23.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	9.9%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	1.7%	0.8%	-2.6%
PVC (*)	▼	-0.8%	9.4%	19.5%	9.3%
Phân Urea (*)	▬	0.3%	16.2%	84.7%	97.0%
Cao su thiên nhiên	▬	0.8%	4.8%	14.0%	25.7%
Bông Cotton	▲	1.2%	13.6%	11.7%	8.8%
Đường	▼	-1.3%	5.0%	-1.3%	-20.7%
World Container Index	▬	0.0%	16.8%	3.4%	3.6%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	18.6%	175.9%	230.5%
Vàng	▬	0.4%	-9.8%	8.1%	56.4%
Bạc	▼	-0.560%	-14.3%	1.0%	140.7%

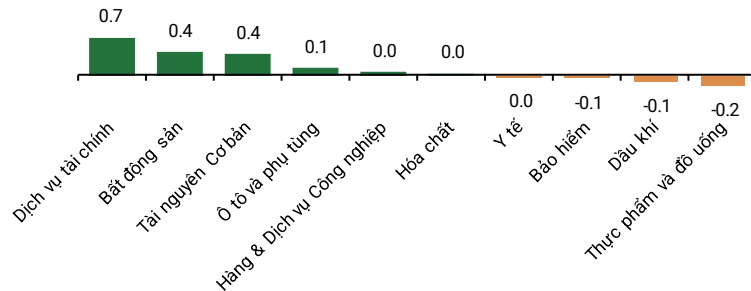
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

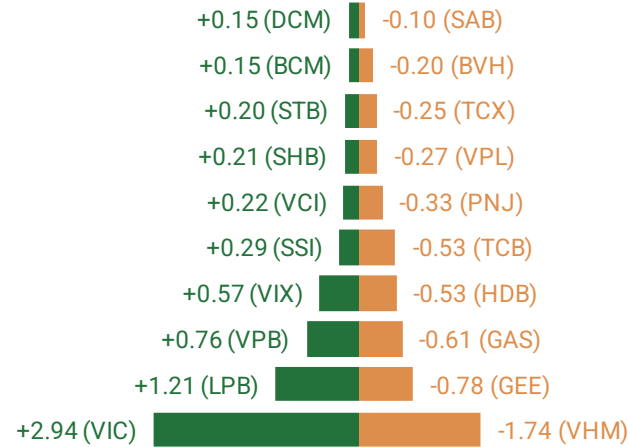
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



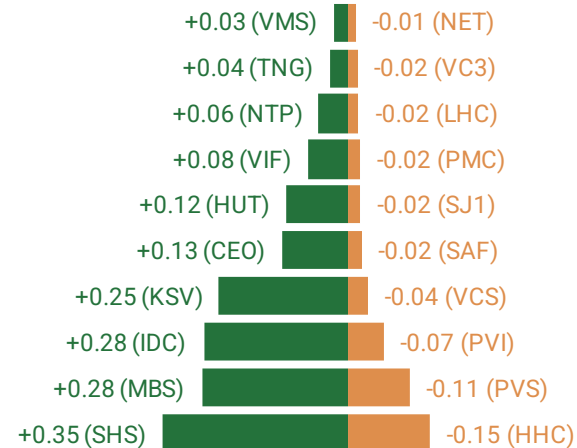
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

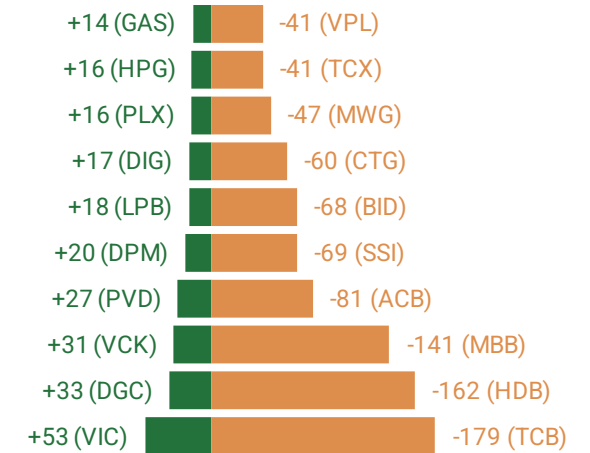


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

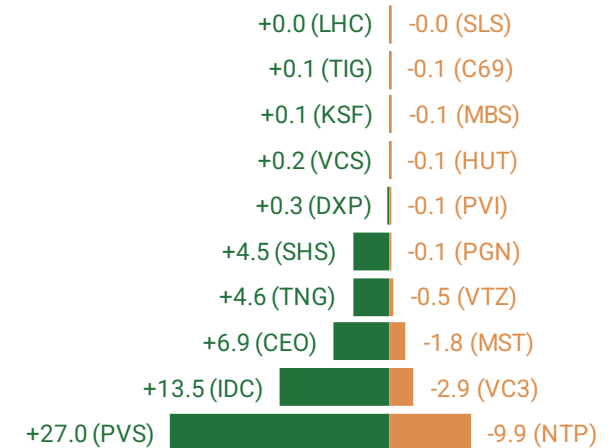


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



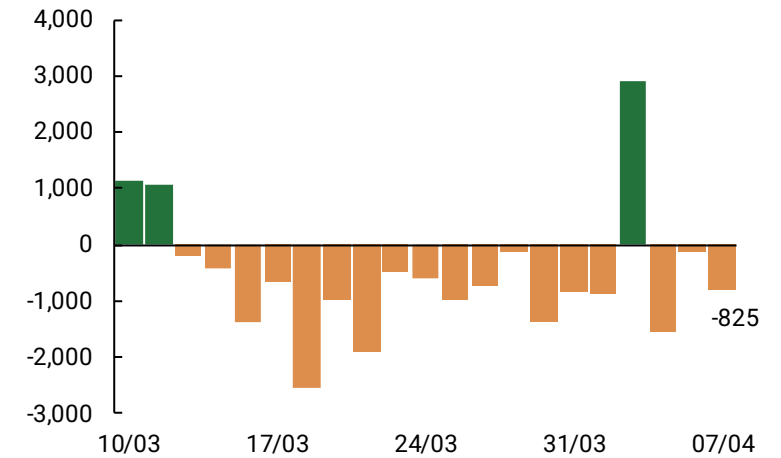
	SHB	VIX	SSI	VIC	TCB
%DoD	1.4%	6.9%	2.0%	1.3%	-1.2%
Giá trị	756	638	492	446	443

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	KBC	NVL	MSB	HDB	VAB
%DoD	-0.2%	1.4%	0.4%	-2.0%	0.5%
Giá trị	325	304	166	129	100

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



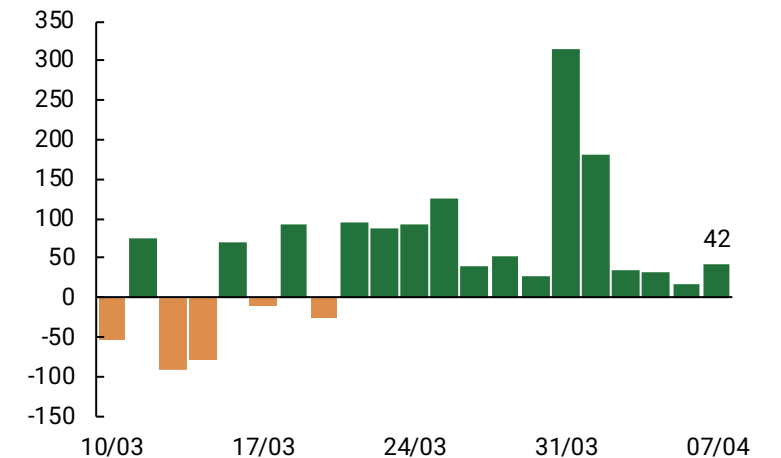
	SHS	PVS	CEO	IDC	VC3
%DoD	4.2%	-1.1%	2.5%	2.8%	-0.8%
Giá trị	191	177	128	65	50

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	TPP	TIG	HUT	SHS	LDP
%DoD	0.0%	0.0%	1.3%	4.2%	-1.2%
Giá trị	35	3	3	1	0

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji, vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1580.
- ✓ Kháng cự: 1700 | 1760.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI phục hồi trong đà giảm.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** Tâm lý giằng co vẫn chiếm ưu thế, thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền còn thận trọng. Khu vực 1670 – 1700 khả năng tiếp tục được củng cố trong các phiên tới. Nếu chỉ số vượt trên ngưỡng 1710 điểm sẽ xác nhận cho động lượng tăng và hướng đến vùng 1760 – 1770 điểm. Trái lại, nếu vận động lùi về dưới ngưỡng 1660 điểm sẽ khiến đà tăng vi phạm và gia tăng áp lực điều chỉnh về mốc tâm lý 1600 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1790 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1870 | 1940.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI phục hồi trong đà giảm.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** Khu vực 1830 – 1860 khả năng tiếp tục được kiểm định trong các phiên tới. Nếu lực cầu giữ vững mốc này và chỉ số bật tăng trên ngưỡng 1870 điểm sẽ xác nhận cho động lượng tăng. Nhịp hồi có thể hướng tới mục tiêu cao hơn quanh ngưỡng 1940 điểm. Trái lại, dấu hiệu thoái lui dưới ngưỡng 1800 điểm sẽ gia tăng áp lực điều chỉnh về vùng 1740 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
<b>Ticker</b>	<b>SIP</b>	<b>WATCH</b>	<b>Current price</b>	<b>60.40</b>	<b>P/E (x)</b>	10.8
<b>Exchange</b>	HOSE		<b>Watch zone</b>	<b>57 - 58</b>	<b>P/B (x)</b>	2.8
<b>Sector</b>	Real Estate Holding & Development		<b>Target price</b>	67	<b>EPS</b>	5600.7
			<b>Cut loss price</b>	54	<b>ROE</b>	28.5%
				<b>Stock Rating</b>	BBB	
				<b>Scale Market Cap</b>	Medium	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt quanh MA50 ngày.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh đang yếu dần và giá có thể quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát thêm khi giá kiểm định khu vực hỗ trợ 57 - 58.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	SIP	Theo dõi	08/04/2026	60.40	57 - 58	-	67	16.52%	54	-6.09%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	27.7	28.5 - 29	-3.8%	32	11.30%	26.8	-6.78%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1848.2, tăng 2.9 điểm (+0.2%). Giá biến động trong phiên theo cả 2 chiều và giữ thế giằng co quanh khu vực 1840 - 1850.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì dưới đường tín hiệu nhưng chỉ báo RSI có tín hiệu phục hồi lên ngưỡng trung bình, hàm ý trạng thái trung tính. Giá có thể tiếp tục rung lắc trong vùng 1840 - 1850 để kiểm định thêm xu hướng. Điểm vào lệnh nên chờ xác nhận giá thoát khỏi các biên sẽ tối ưu hơn. Theo đó, vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1852. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1838.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1780, tăng 2.1 điểm (+0.1%). Độ lệch basis 10.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 34 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1760 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1785 điểm.

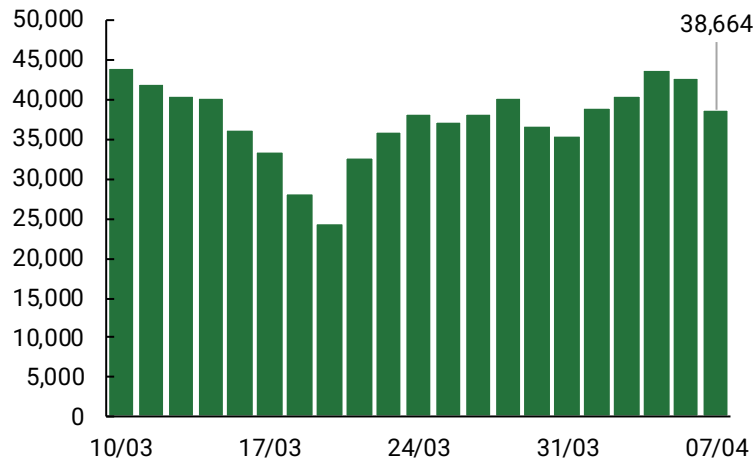
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1852	1866	1842	14 : 10
Short	< 1838	1824	1847	14 : 9

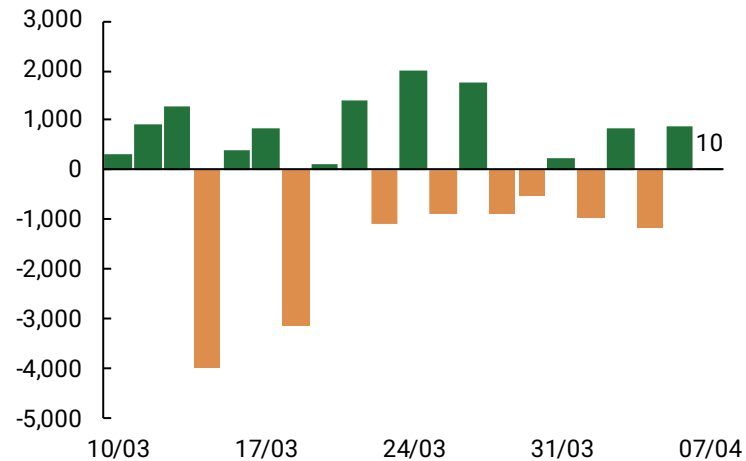
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,845.0	4.9	18	299	1,853.4	-8.4	17/09/2026	163
4111G6000	1,850.0	9.3	88	1,459	1,846.5	3.5	18/06/2026	72
4111G5000	1,851.9	10.9	377	549	1,844.3	7.6	21/05/2026	44
4111G4000	1,848.2	2.9	256,192	38,664	1,841.6	6.6	16/04/2026	9
4112G4000	1,780.0	2.1	34	37	1,769.8	10.2	16/04/2026	9

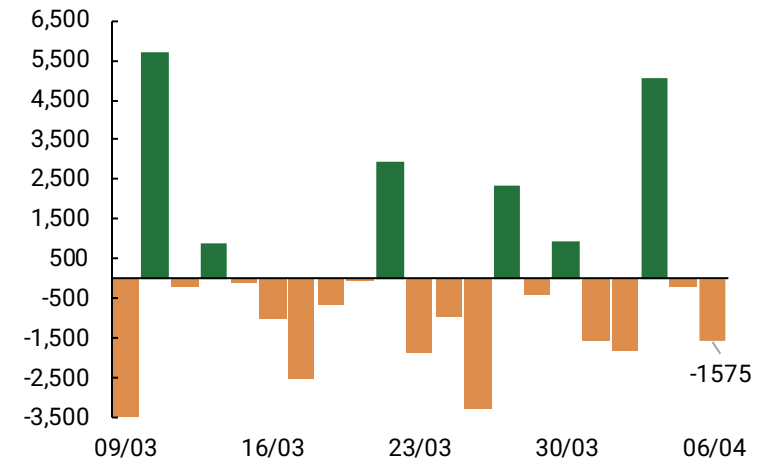
Khối lượng mở (Open interest)



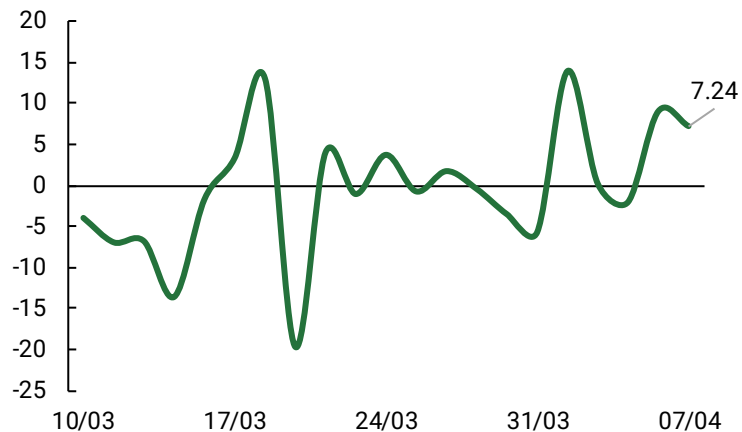
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



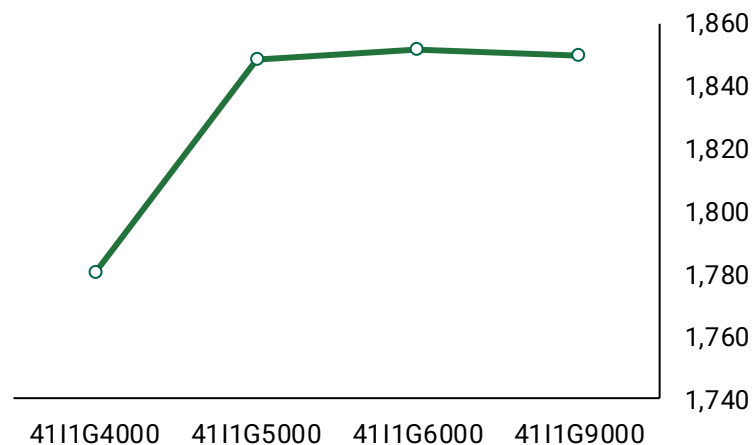
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



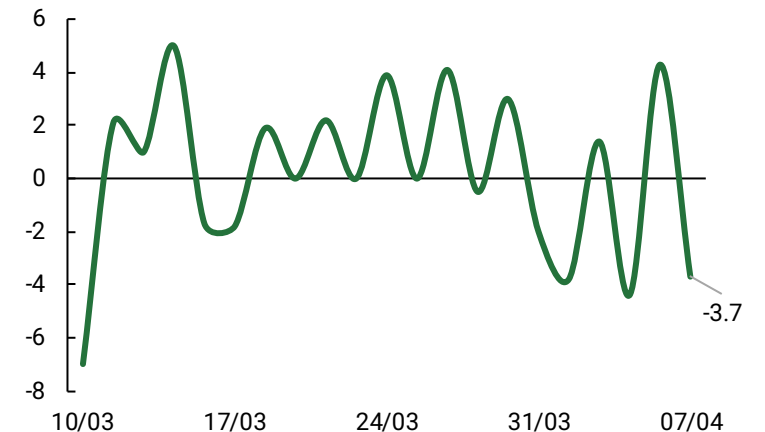
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/04	Vietnam & US - Chỉ số PMI
03/04	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
05/04	Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
06/04	Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
07/04	Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
09/04	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10/04	Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
14/04	Mỹ - Chỉ số PPI
16/04	Việt Nam - Đáo hạn phái sinh Trung Quốc – GDP Quý 1
28/04	Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
29 - 30/04	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất Canada - BOC họp và công bố lãi suất

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Tổng Bí thư Tô Lâm được bầu giữ chức Chủ tịch nước nhiệm kỳ 2026-2031:** Ngày 7/4, Quốc hội thông qua Nghị quyết bầu Tổng Bí thư Tô Lâm giữ chức Chủ tịch nước nhiệm kỳ 2026-2031 với 100% đại biểu có mặt đồng ý. Đây là lần thứ hai Tổng Bí thư Tô Lâm được bầu giữ đồng thời hai chức danh Tổng Bí thư và Chủ tịch nước, sau lần đầu năm 2024.

**Các nhà đàm phán bí quan về khả năng Mỹ - Iran đạt thỏa thuận trước hạn chót 7/4:** Các nhà đàm phán có rất ít hy vọng rằng Iran sẽ chấp nhận yêu cầu của ông Trump về việc mở lại Eo biển Hormuz trước hạn chót 20h tối 7/4 (theo giờ Mỹ, tức 7h sáng 8/4 theo giờ Việt Nam). Nếu hai bên không đạt được thống nhất, Tổng thống Trump đe dọa sẽ tấn công các nhà máy điện và cầu của Iran, có thể khiến xung đột leo thang đáng kể.

**Iran dọa đóng thêm eo biển nữa có thể làm tê liệt thương mại toàn cầu:** Ông Ali Akbar Velayati - cố vấn của lãnh tụ tối cao mới của Iran, Mojtaba Khamenei - cho biết Iran và các đồng minh có thể đóng cửa tuyến đường vận tải qua eo biển Bab al-Mandeb, tương tự như những gì Tehran đã thực hiện với eo biển Hormuz.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**TCB - Techcombank dự kiến lợi nhuận 35,000-37,500 tỷ đồng, không chia cổ tức trong 2026:** Theo tài liệu đại hội đồng cổ đông mới công bố, Ngân hàng trình hai kịch bản lợi nhuận trước thuế là 37,500 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2025, và 35,000 tỷ đồng, tăng 7.6%, tùy theo diễn biến tình hình xung đột Trung Đông. Đây là lần đầu tiên Techcombank xây dựng kế hoạch theo hai kịch bản. Về phương án tăng vốn, TCB dự kiến phát hành hơn 17 triệu cổ phiếu ESOP. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ dự kiến tăng từ 70,862 tỷ đồng lên 71,032 tỷ đồng. Techcombank không chia cổ tức trong năm 2026, ưu tiên tái đầu tư nguồn lực vào các chương trình tăng trưởng dài hạn.

**HHV - Hạ tầng Đèo Cả dự báo doanh thu và lợi nhuận tiếp tục phá đỉnh:** Năm 2026, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất năm 2026 đạt hơn 4,468 tỷ đồng, tăng khoảng 18% so với kết quả năm 2025. Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 766 tỷ đồng, tăng 14% và cao nhất từ trước đến nay. Về phương án phân phối lợi nhuận, Hội đồng quản trị (HĐQT) đề xuất chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20:1. Bên cạnh đó, HĐQT cũng trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tỷ lệ 10:1, giá không thấp hơn mệnh giá, nhằm tăng vốn điều lệ.

**SCS kỳ vọng lãi kỷ lục 960 tỷ:** Năm 2026, SCS lên kế hoạch tổng doanh thu đạt 1,300 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 960 tỷ đồng, cùng tăng hơn 2% so với thực hiện năm trước. Doanh nghiệp cũng dự kiến trình cổ đông kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 50% mệnh giá, tương đương 5,000 đồng/cổ phiếu.

**QNS - Dồn lực vào dự án Ethanol:** ĐHĐCĐ thường niên 2026 của CTCP Đường Quảng Ngãi diễn ra ngày 04/04 đã thông qua nhiều kế hoạch quan trọng. Trong đó, Doanh nghiệp tiết lộ thêm về dự án sản xuất Ethanol có tổng mức đầu tư hơn 1.7 ngàn tỷ đồng, từng được thông qua tại đại hội năm trước. Năm 2026, QNS đặt mục tiêu kinh doanh thận trọng với các chỉ tiêu giảm so với thực hiện năm trước. Trong đó, kế hoạch doanh thu đạt 10.5 ngàn tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ 5%; lãi sau thuế hơn 1.5 ngàn tỷ đồng, giảm 21%.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415